

huy động một lực lượng rất lớn, rất nhanh chóng vào chỗ nguy hiểm thì mới kịp thời giải quyết được vấn đề, mọi sự chậm chạp là đều có thể gây tác hại lớn.

2. Các tỉnh Thái nguyên, Bắc giang, Nam định, Hưng yên, Sơn tây, Hà nội cần xúc tiến việc đắp đê để hoàn thành trước 15-5 như đã định trước. Đặc biệt Phú thọ, Thái nguyên cần tích cực giúp đỡ khu công nghiệp đắp đê phòng lụt, bảo vệ các nhà máy ở Việt-tri và khu gang thép Thái-nguyên.

3. Tiến hành ngay việc kiểm tra chu đáo đê, kè, cống, để đánh giá đúng mức tình hình, phát hiện những nơi hư hỏng và xung yếu mà trước đây chưa thấy hết, tập trung những tài liệu ấy, theo dõi một cách thường xuyên. Khi phát hiện những chỗ hư hỏng hoặc xung yếu phải có kế hoạch sửa chữa ngay, gặp khó khăn thì báo cáo lên trên. Chú ý đặc biệt những nơi xê đê chống hạn, hoặc những cống yếu cần hoành triệt trong mùa nước. Việc kiểm tra đê không những chỉ tiến hành lúc này mà cần tiến hành một cách thường xuyên, sau một trận mưa to, khi nước lên cao và lúc nước rút. Phải dựa vào dân và kiểm tra từ dưới lên đồng thời kiểm tra từ trên xuống.

4. Phải tổ chức các Ban chỉ huy chống lụt, chống bão từ tỉnh xuống xã và các lực lượng hộ đê cho xong trong tháng 5 ở Bắc bộ và trước 15-6 ở Trung bộ.

Cần nắm vững danh sách các lực lượng hộ đê: các thành viên trong Ban chỉ huy chống lụt phải được phân công cụ thể và chịu trách nhiệm về những phần đê nhất định ngoài trách nhiệm chung.

5. Ban chỉ huy chống lụt, chống bão phải có kế hoạch phòng lụt, chống lụt, phòng bão, chống bão của địa phương mình trình Ủy ban hành chính duyệt và báo cáo lên cấp trên. Kế hoạch chống bão, lụt phải toàn diện, thiết thực, dựa vào sự hướng dẫn của Ban chỉ huy chống lụt, chống bão trung ương đã gửi các địa phương từ trước đến nay và bổ sung bằng những kinh nghiệm thực tế của địa phương. Đặc biệt phải chú trọng những điểm sau đây:

a) Nắm vững tình hình các vật liệu dụng cụ chống lụt, chống bão có thể huy động được (bao tải, đá, phương tiện giao thông vận tải, v.v...) và chuẩn bị sẵn sàng.

b) Nắm vững tình hình mưa, bão, lụt. Bộ Thủy lợi ngoài việc làm dự báo về mức nước cho Hà nội sẽ làm dự báo thêm cho một số tỉnh, đặt chế độ báo tin mưa giữa các tỉnh và hướng dẫn các tỉnh làm dự báo mức nước cho địa phương mình. Các tỉnh miền núi và các tỉnh ở Trung bộ cần cố gắng tăng thêm các trạm đo mực nước ở đầu nguồn với điều kiện là báo tin kịp thời. Trong suốt mùa bão lụt bộ phận thường trực của Ban chỉ huy chống lụt, chống bão các cấp luôn luôn có người có thẩm quyền để nhận tin tức và quyết định công tác.

c) Các cơ quan, xí nghiệp, các công trường xây dựng, các kho tàng, bãi đê gỗ, các bến thuyền, các

nhà cửa của dân đều cần phải có kế hoạch chống bão, chống lụt. Các tỉnh miền núi cần có kế hoạch chống lũ.

d) Kiến toàn hệ thống giao thông liên lạc. Các tin về mưa, bão, mực nước phải được chuyển đi bằng phương tiện nhanh nhất (sử dụng các phương tiện của các ngành, kể cả của quân sự ở địa phương). Nếu chuyển bằng bưu điện thì phải được hưởng chế độ ưu tiên.

đ) Phải sử dụng hợp lý lực lượng quân sự. Trong trường hợp cần phải có lực lượng quân sự trong công tác chống lụt, chống bão thì phải cung cấp đủ dụng cụ cho bộ đội, tránh tình trạng huy động nhiều quân nhưng thiếu dụng cụ làm. Không nên điều động các lực lượng công an nhân dân vũ trang đi quá xa nơi mà các lực lượng này phải bảo vệ hàng ngày.

Trên đây là những quyết định chung, mỗi ngành, mỗi địa phương phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của ngành mình, địa phương mình, dựa vào bài học kinh nghiệm trong các kỳ chống bão, lụt trước mà đặt kế hoạch cụ thể và thực hiện đúng theo tinh thần của chỉ thị này.

Hà nội, ngày 9 tháng 5 năm 1960

T.M. Hội đồng Chính phủ
Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

PHỦ THỦ TƯỚNG

THÔNG TƯ số 104-TTg ngày 7-5-1960
về việc cải tiến công tác lập kế hoạch
và chế độ báo cáo thống kê giá thành
giữa các cơ quan Nhà nước.

Theo yêu cầu của công tác quản lý nền kinh tế quốc dân ngày phải được nâng cao, công tác lập kế hoạch và kiểm tra kế hoạch giá thành cũng cần được quan tâm đúng mức vì giá thành là một chỉ tiêu kinh tế rất quan trọng của kế hoạch kinh tế quốc dân, và là một chỉ tiêu cơ bản biểu hiện chất lượng công tác quản lý kế hoạch kinh tế quốc dân của các xí nghiệp quốc doanh.

Trong mấy năm vừa qua, công tác lập kế hoạch và hạch toán giá thành của các ngành, các cấp nói chung làm chưa được tốt vì một mặt cán bộ chưa nắm vững và đầy đủ phương pháp lập kế hoạch, mặt khác chế độ báo cáo thống kê hàng tháng quá nặng nề nên các xí nghiệp không làm được hoặc không làm đầy đủ.

09669557

Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Thủ tướng Chính phủ quy định, một số chế độ cần thiết sau đây nhằm cải tiến công tác lập kế hoạch và báo cáo thống kê giá thành cho phù hợp với yêu cầu quản lý toàn diện nền kinh tế quốc dân:

1. Công tác lập kế hoạch giá thành:

Các Bộ, các ngành cần thi hành đầy đủ nội dung và tinh thần công văn số 807-UB/TCCB ngày 20-4-1959 của Ủy ban kế hoạch Nhà nước quy định phạm vi tổng hợp kế hoạch của Ủy ban kế hoạch Nhà nước, của các Bộ chủ quản xí nghiệp và các Bộ có tính chất tổng hợp.

Nội dung tổng hợp kế hoạch của Bộ là tổng hợp kế hoạch toàn diện bao gồm kế hoạch sản xuất, kế hoạch lao động tiền lương, kế hoạch cung cấp vật tư, kế hoạch kiến thiết cơ bản, và kế hoạch giá thành.

Kế hoạch giá thành phải tổng hợp đồng thời với các kế hoạch kinh tế khác và đảm bảo tổng hợp đúng thời hạn đã quy định.

2. Chế độ biểu mẫu thống kê và thời gian báo cáo:

Nay hủy bỏ 4 biểu mẫu của Cục Thống kê lập tháng 1-1957 được Thủ tướng phủ phê chuẩn kèm theo chỉ thị số 1240-TTg ngày 20 tháng 1 năm 1957 của Thủ tướng Chính phủ và các chỉ tiêu về giá thành công nghiệp trong biểu báo cáo cải tiến của Bộ Tài chính ban hành theo thông tư số 889-TC/CDKT ngày 31 tháng 8 năm 1959 của Bộ Tài chính. Các biểu mẫu và chỉ tiêu sẽ thay bằng 4 biểu mẫu chính và 1 biểu phụ ban hành kèm theo thông tư này. Báo cáo định kỳ chia làm ba loại:

a) Hàng tháng báo cáo 2 biểu:

— Biểu ước toán giá thành của các xí nghiệp trọng điểm gồm 2 chỉ tiêu sản lượng và giá thành toàn bộ.

— 1 biểu quyết toán tháng của tất cả các xí nghiệp do Bộ quản lý (biểu mẫu số 1).

b) Hàng quý báo cáo 2 biểu:

— Tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có thể so sánh được và toàn bộ sản phẩm thương phẩm theo khoản mục (biểu mẫu số 2).

— Tình hình thực hiện giá thành đơn vị sản phẩm chủ yếu (biểu mẫu số 3).

c) Sáu tháng và năm báo cáo một biểu mẫu báo cáo phí tổn sản xuất (biểu mẫu số 4).

Ngoài ra, nếu giá cả nguyên vật liệu, khấu hao tài sản cố định hoặc một số chi phí khác có sự biến động một cách bất thường làm cho giá thành tăng, giảm thì lập thêm biểu số 5 gửi kèm theo báo cáo quý.

Các Bộ phải tổng hợp báo cáo và gửi đúng thời hạn cho Cục Thống kê trung ương và Bộ Tài chính theo lịch sau đây:

— Báo cáo hàng tháng:

Biểu ước toán gửi vào ngày 5 tháng sau của tháng báo cáo.

Biểu quyết toán gửi trước ngày 25 tháng sau của tháng báo cáo.

— Báo cáo quý:

Gửi trước ngày 30 tháng sau của quý báo cáo.

— Báo cáo 6 tháng:

Gửi trước ngày 31 tháng 7 và báo cáo năm gửi vào cuối tháng 2 năm sau của năm báo cáo.

3. Trách nhiệm của các Bộ, của Cục Thống kê trung ương và của các xí nghiệp trong việc lập và báo cáo kế hoạch giá thành.

— Cục Thống kê trung ương phối hợp với Bộ Tài chính để nghiên cứu giải thích nội dung, phương pháp lập các biểu báo cáo nói trên. Cục thống kê theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc làm báo cáo về giá thành, tổng hợp báo cáo của các Bộ để làm báo cáo trình Chính phủ.

— Bộ Tài chính dựa vào các chỉ tiêu và yêu cầu của biểu báo cáo mà đề ra mẫu sổ sách, cách thức ghi chép và phương pháp phân bổ giá thành.

— Các Bộ chủ quản xí nghiệp có trách nhiệm lập các biểu báo cáo giá thành có phân tích bằng lời văn gửi cho Cục Thống kê trung ương và Bộ Tài chính theo đúng kỳ hạn đã quy định trên. Để đảm bảo việc lập các biểu báo cáo trên, các Bộ còn có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi kiểm tra, đôn đốc các xí nghiệp làm công tác kế hoạch, lập báo cáo giá thành và thi hành đầy đủ chế độ kế toán do Bộ Tài chính quy định.

— Ở các xí nghiệp, Ban Giám đốc các xí nghiệp chịu trách nhiệm lãnh đạo, đôn đốc, kiểm tra các bộ phận kế toán, tài vụ phối hợp với bộ phận kế hoạch, thống kê trong việc lập các biểu báo cáo quý, nửa năm hay năm cho Bộ chủ quản xí nghiệp. Còn các xí nghiệp do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Cục Thống kê trung ương và Bộ Tài chính chọn làm trọng điểm, ngoài việc gửi báo cáo định kỳ cho Bộ chủ quản xí nghiệp, còn phải gửi bản sao các loại biểu báo cáo ấy cho Cục Thống kê trung ương và Bộ Tài chính.

Thông tư này áp dụng từ tháng 1 năm 1960.

Hà nội, ngày 7 tháng 5 năm 1960

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
PHẠM HÙNG

Bộ
 Cục
 Xí nghiệp

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH KẾ HOẠCH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THƯƠNG PHẨM CÓ THỂ SO SÁNH ĐƯỢC VÀ GIÁ THÀNH TOÀN BỘ SẢN PHẨM THƯƠNG PHẨM

MẪU

Biểu 1-GT

Tháng . . . Quý . . . năm 1960

Đơn vị: một đồng

(Biểu này Thủ tướng Chính phủ đã duyệt y kèm theo thông tư số 104-TTg ngày 7-5-1960 và quy định gửi trước ngày 25 tháng sau của tháng báo cáo).

A	Giám giá thành theo kế hoạch tính bằng tỷ lệ	Sản lượng thương phẩm có thể so sánh được			Tỷ lệ giảm giá thành (+%) $(\frac{4}{3} - 1) \times 100$	Toàn bộ sản lượng thương phẩm có thể so sánh và không thể so sánh được			Tỷ lệ giảm giá thành (+%) $(\frac{7}{6} - 1) \times 100$
		Tính theo giá thành thực tế bình quân trong năm trước	Tính theo giá thành kế hoạch năm nay	Tính theo giá thành thực tế tháng này		Tính theo giá thành kế hoạch năm	Tính theo giá thành thực tế tháng này	Tính theo giá bán buôn công nghiệp hiện hành	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9

1. Tháng báo cáo
2. Quý báo cáo
3. Từ đầu năm đến cuối tháng này.

Phụ trách
thống kê kế hoạch

Phụ trách
kế toán tài vụ

Ngày . . . tháng . . . năm 1960
Giám đốc xí nghiệp

Bộ
 Cục
 Xi nghiệp

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH KẾ HOẠCH GIÁ THÀNH
 SẢN PHẨM CÓ THỂ SO SÁNH ĐƯỢC VÀ TOÀN BỘ SẢN PHẨM
 THƯƠNG PHẨM THEO KHOẢN MỤC PHÍ TỒN**
 Quý . . . năm 1960

MẪU
Biên 2-CT

(Biểu này Thủ tướng Chính phủ đã duyệt y kèm theo thông tư số 104-TTg
 ngày 7-5-1960 và quy định gửi trước ngày 25 quý sau của quý báo cáo).

	KỶ NÀY					TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY				
	Toàn bộ sản phẩm thương phẩm		Trong đó: sản phẩm có thể so sánh được			Toàn bộ sản phẩm thương phẩm		Trong đó: sản phẩm có thể so sánh được		
	Tính theo giá thành kế hoạch năm	Tính theo giá thành thực tế quý	Tính theo giá thành thực tế bình quân của năm trước	Tính theo giá thành kế hoạch	Tính theo giá thành thực tế quý	Tính theo giá thành kế hoạch năm nay	Tính theo giá thành thực tế	Tính theo giá thành thực tế bình quân của năm trước	Tính theo giá thành kế hoạch	Tính theo giá thành thực tế
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

1. Nguyên liệu chủ yếu và vật liệu phụ
2. Nhiên liệu và động lực dùng vào sản xuất.
3. Lương chính và lương phụ công nhân sản xuất.
4. Thiệt hại về sản phẩm hỏng.
5. Thiệt hại về ngừng sản xuất.

Phụ trách
thống kê kế hoạch

Phụ trách
kế toán tài vụ

6. Kinh phí phân xưởng.
7. Quản lý phí, trong đó: chi phí phi sản xuất.
8. Giá thành công xưởng.
9. Chi phí ngoài sản xuất.
10. Giá thành toàn bộ.

Ngày . . . tháng . . . năm 1960
Giám đốc xi nghiệp

Bộ
Cục
Xi nghiệp

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH KẾ HOẠCH GIÁ THÀNH

ĐƠN VỊ CÁC LOẠI SẢN PHẨM CHỦ YẾU

Quý. năm 1960

(Biểu này Thủ tướng Chính phủ đã duyệt y kèm theo thông tư số 104-TTg ngày 7-5-1960 và quy định gửi trước ngày 25 tháng sau của quý báo cáo).

TÊN SẢN PHẨM CHỦ YẾU	Quy cách	Đơn vị tính	Sản lượng của kỳ này		Giá thành đơn vị (tính đồng và xu)				Tỷ lệ giảm giá thành so với kế hoạch năm
			Kế hoạch	Thực hiện	Giá thành thực tế bình quân của năm trước	Giá thành kế hoạch năm nay	Giá thành thực tế bình quân		
							Quý này	Từ đầu năm đến cuối quý này	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7

A. Sản phẩm thương phẩm có thể so sánh được :

- 1.
- 2.
- 3.

B. Sản phẩm thương phẩm không thể so sánh được :

- 1.
- 2.
- 3.

Ngày . . . tháng . . . năm 1960

Phụ trách thống kê kế hoạch,

Phụ trách kế toán tài vụ,

Giám đốc xi nghiệp,

Bộ

Cục

Xi nghiệp

MẪU

Biểu 4-GT

BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT*(Trừ luân chuyển nội bộ)*

(Biểu này do Thủ tướng Chính phủ đã duyệt y kèm theo thông tư số 104-TTg ngày 7-5-1960 và quy định một năm báo cáo hai lần vào tháng 7 trong năm và tháng 2 năm sau của năm báo cáo).

Đơn vị: đồng

Số thứ tự	Các yếu tố chi phí về sản xuất	Kế hoạch	Thực tế
1	Nguyên vật liệu chủ yếu		
2	Vật liệu phụ		
3	Nhiên liệu mua ngoài		
4	Động lực mua ngoài		
5	Lương chính và lương phụ		
6	Phụ cấp lương		
7	Khấu hao		
8	Các chi phí bằng tiền mặt		
	A. Tổng cộng chi phí sản xuất (1 2 3 4 5 6 7 8)		
9	Trừ phế liệu trong sản xuất		
10	Trừ các chi phí về các công việc không có tính chất công nghiệp.		
11	Cộng chi phí chờ phân bổ kết chuyển kỳ trước và chi phí trích trước kết chuyển kỳ sau.		
12	Trừ chi phí chờ phân bổ kết chuyển kỳ sau và chi phí trích trước kết chuyển kỳ trước		
13	Cộng số dư đầu kỳ sản phẩm đang chế tạo không nằm trong giá trị tổng sản lượng.		
14	Trừ số dư cuối kỳ sản phẩm đang chế tạo không nằm trong giá trị tổng sản lượng.		
	B. Tổng cộng chi phí sản xuất của giá trị tổng sản lượng công nghiệp:		
15	Cộng hay trừ của công cụ tự chế tạo, bán thành phẩm và tái chế phẩm.		
	C. Giá thành công xưởng sản phẩm thương phẩm:		
16	Chi phí ngoài sản xuất.		
	D. Giá thành toàn bộ sản phẩm thương phẩm:		

Ngày tháng năm 1960

Phụ trách
thống kê kế hoạch

Phụ trách
kế toán tài vụ

Giám đốc
xi nghiệp

09669557

Bộ
 Cục
 Xí nghiệp

MẪU
 Biểu phụ 5-GT

**BÁO CÁO NHỮNG NHÂN TỐ LÀM ẢNH HƯỞNG
 ĐẾN VIỆC TĂNG GIÁM GIÁ THÀNH**

(Biểu này khi tình hình giá thành biến động
 mới báo cáo)

(Biểu này do Thủ tướng Chính phủ đã duyệt y kèm theo thông tư
 số 104-TTg ngày 7 tháng 5 năm 1960)

Đơn vị: đồng

NGUYÊN NHÂN	THỰC HIỆN	
	Toàn bộ sản lượng thương phẩm	Trong đó sản lượng thương phẩm có thể so sánh được
1. Thay đổi về giá cả nguyên vật liệu. 2. Thay đổi về giá điện lực mua ngoài. 3. Thay đổi về dự tính vốn cố định và tỷ lệ khấu hao. 4. Thay đổi về mức tiền lương. 5. Thay đổi về mặt hàng. 6. Thay đổi về các chi phí khác. 7. Tổng cộng. 8. Giá thành thực tế sau khi đã trừ nhân tố chênh lệch. 9. Tỷ lệ giảm giá thành sản phẩm có thể so sánh được sau khi trừ các nhân tố chênh lệch so với giá thành thực tế của năm ngoài.		

09669557

www.ThuvienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3645 6684

Ngày tháng năm 1960

Phụ trách
 thống kê kế hoạch

Phụ trách
 kế toán tài vụ

Giám đốc xí nghiệp

CÁC BỘ

BỘ NÔNG LÂM

**CHỈ THỊ số 29-NL/CT ngày 7-5-1960 về
 việc bảo đảm kế hoạch tổng sản lượng
 mía năm 1960.**

Kính gửi: Ủy ban hành chính các khu, tỉnh,
 Các Khu, Ty Nông lâm.

Nhiệm vụ kế hoạch mía 1960, rất khẩn trương và quan trọng. Nhất thiết phải đảm bảo đủ mía cung cấp cho hai nhà máy đường Vinh, Việt Trì, và đủ mía chế biến đường thủ công, thỏa mãn nhu cầu đường mật của nhân dân.

Vụ đông xuân vừa qua, việc sản xuất chế biến tiêu thụ mía đường vấp nhiều khó khăn. Chúng ta đã cố gắng vận động lương dân việc phát triển

trồng mía. Nhưng đến nay đã cuối vụ, trừ một vài tỉnh, còn nhìn chung đều không đạt kế hoạch diện tích. Đó là vấn đề nghiêm trọng.

Vậy bây giờ cần phải kiên quyết đề cao ý thức phấn đấu đến cùng, tìm mọi biện pháp tích cực, khắc phục khó khăn, tăng cường chăm bón tăng năng suất, bảo đảm chỉ tiêu tổng sản lượng mía năm 1960.

Cụ thể:

— Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, giải quyết khó khăn để đẩy mạnh diện tích từ nay đến tháng 6 trong các tỉnh có tập quán trồng mía muộn (Hà Đông, Hà nam, Quảng bình, v.v...).

— Tăng cường lãnh đạo chỉ đạo, giải quyết khó khăn, tăng cường chăm bón tăng năng suất, đây là phương hướng chủ yếu:

— Vận động giáo dục tiết kiệm tiêu thụ đường mật, mía cây, hạ thấp tỷ lệ tự sản tự tiêu.